

# PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA CHÍNH PHỦ TRONG THAM GIA CÁC HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ SỐ THẾ HỆ MỚI

ĐINH THẾ THUẬN<sup>(\*)</sup>  
BÙI THANH TÙNG<sup>(\*\*)</sup>

Ngày nhận bài: 15/8/2025 Ngày thẩm định: 19/8/2025 Ngày duyệt đăng: 24/10/2025

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích vai trò của Chính phủ Việt Nam trong việc chủ động, tích cực tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế số (DEPA), chuẩn bị cho các hiệp định kinh tế số thế hệ mới, trên cơ sở định hướng chiến lược của Đảng, Chính phủ đã thể chế hóa thành chính sách và kế hoạch hành động, xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành, triển khai đàm phán linh hoạt và đồng hành cùng doanh nghiệp. Đồng thời, bài viết chỉ ra những thách thức mang tính cấu trúc, từ tương thích thể chế, bảo đảm chủ quyền số, hài hòa chuẩn kỹ thuật, đến năng lực thực thi và bảo vệ an ninh mạng. Từ đó, đề xuất các nhóm giải pháp góp phần phát huy vai trò của Chính phủ trong tham gia các Hiệp định Đối tác kinh tế số thế hệ mới.

**Từ khóa:** Chính phủ; hội nhập quốc tế; hiệp định đối tác kinh tế; kinh tế số

## 1. Đặt vấn đề

Thế giới đang bước vào một kỷ nguyên mới, nơi công nghệ số tạo ra một cuộc chuyển đổi sâu rộng, định hình lại cấu trúc kinh tế, cũng như phương thức vận hành của lĩnh vực trong đời sống trên phạm vi toàn cầu. Công nghệ số không chỉ là công cụ hỗ trợ sản xuất - kinh doanh, mà đã trở thành động lực tăng trưởng mới, nhân tố quyết định năng lực cạnh tranh quốc gia và nền tảng định hình các quan hệ thương mại, đầu tư quốc tế.

Trong bối cảnh đó, các hiệp định đối tác kinh tế số thế hệ mới đã và đang trở thành công cụ quan trọng để các quốc gia thiết lập khuôn khổ hợp tác, định hình chuẩn mực và quy tắc thương mại toàn cầu. Hiệp định Đối tác kinh tế số - hiệp định kinh tế số đầu tiên trên thế giới, không chỉ là một thỏa thuận thương mại thuần túy, mà còn là bộ quy tắc chiến lược nhằm thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới, bảo đảm dòng chảy dữ liệu an toàn, phát triển định danh số, nâng cao chuẩn mực về bảo mật thông tin và khai thác hiệu quả các thành tựu của công nghệ mới. Hiệp định Đối tác kinh tế số mở ra cơ hội cho các quốc gia hội nhập sâu rộng hơn, không chỉ trong trao đổi hàng hóa và dịch vụ, mà cả trong lĩnh vực hạ tầng số, quản trị không gian mạng và hợp tác đổi mới sáng tạo.

<sup>(\*)</sup> TS, Trường Sĩ quan Chính trị, Bộ Quốc phòng

<sup>(\*\*)</sup> TS, Trường Đại học Tài chính - Marketing

Đối với Việt Nam, việc tham gia các hiệp định kinh tế số không chỉ đơn thuần là bước đi hội nhập, mà còn là yêu cầu tất yếu để thích ứng và vươn lên trong môi trường cạnh tranh toàn cầu mới. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” xác định “Chủ động tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo toàn cầu”<sup>(1)</sup> là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của chiến lược phát triển quốc gia trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tiếp đó, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” nhấn mạnh kinh tế số là đột phá chiến lược, là động lực tăng trưởng quan trọng để nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế<sup>(2)</sup>.

Trong bối cảnh đó, Chính phủ đóng vai trò trung tâm, vừa hoạch định chính sách, vừa tổ chức thực thi và bảo đảm điều kiện hội nhập hiệu quả. Chính phủ không chỉ thực hiện chức năng đàm phán, ký kết và triển khai các cam kết quốc tế, mà còn có trách nhiệm kiến tạo môi trường pháp lý, phát triển hạ tầng số đồng bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thúc đẩy sự tham gia chủ động của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Sự chủ động và quyết liệt của Chính phủ quyết định mức độ thành công của Việt Nam trong việc tận dụng cơ hội từ các hiệp định đối tác kinh tế số thế hệ mới, biến thách thức thành động lực và khẳng định vị thế của đất nước trên bản đồ kinh tế số toàn cầu.

## 2. Khái quát về Hiệp định Đối tác kinh tế số

Hiệp định Đối tác kinh tế số được ký kết vào năm 2020 giữa ba quốc gia tiên phong trong lĩnh vực công nghệ và đổi mới sáng tạo là Singapore, Chile và New Zealand<sup>(3)</sup>. Đây là một hiệp định thương mại thế hệ mới, được thiết kế nhằm thích ứng với bối

cảnh toàn cầu đang chuyển dịch mạnh mẽ sang nền kinh tế số. Khác với các hiệp định thương mại truyền thống chủ yếu tập trung vào hàng hóa và dịch vụ hữu hình, Hiệp định Đối tác kinh tế số chú trọng thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực số hóa, hướng tới xây dựng môi trường thương mại số minh bạch, an toàn và hiệu quả.

Hiệp định Đối tác kinh tế số bao quát các nội dung mang tính nền tảng và chiến lược của nền kinh tế số, bao gồm: thúc đẩy thương mại điện tử xuyên biên giới; bảo đảm dòng chảy dữ liệu xuyên biên giới tự do nhưng có kiểm soát; phát triển hệ thống định danh số; đặt ra nguyên tắc đạo đức và khung pháp lý cho việc sử dụng AI; xây dựng chính phủ số; khuyến khích đổi mới sáng tạo và chia sẻ thông lệ tốt giữa các quốc gia thành viên.

Tính đến nay, Hiệp định Đối tác kinh tế số đã thu hút sự quan tâm của nhiều nền kinh tế lớn, như Hàn Quốc, Canada, Trung Quốc và Việt Nam. Điều này cho thấy sức hút và tầm quan trọng chiến lược của Hiệp định Đối tác kinh tế số trong việc định hình các chuẩn mực toàn cầu mới, mở ra cơ hội hợp tác sâu rộng giữa các quốc gia trong kỷ nguyên số.

Đối với Việt Nam, Hiệp định Đối tác kinh tế số mang lại nhiều lợi ích chiến lược, trong đó có *ba ý nghĩa nổi bật*:

*Thứ nhất, tạo cơ hội mở rộng thị trường cho doanh nghiệp số, nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Với hơn 98% số doanh nghiệp trong nước thuộc nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ<sup>(4)</sup>, việc tiếp cận thị trường toàn cầu thông qua các nền tảng thương mại điện tử xuyên biên giới theo chuẩn Hiệp định Đối tác kinh tế số sẽ giúp doanh nghiệp Việt Nam rút ngắn khoảng cách với các đối thủ quốc tế, giảm chi phí giao dịch và tiếp thị, đồng thời nâng cao độ tin cậy thông qua các tiêu chuẩn định danh số và bảo mật dữ liệu chung. Điều này không chỉ tạo điều kiện gia tăng doanh thu xuất khẩu, mà còn mở

ra cơ hội tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững và khả năng thích ứng của khu vực doanh nghiệp trong thời đại số.

*Thứ hai, thúc đẩy hoàn thiện thể chế cho kinh tế số*

Việc tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế số yêu cầu Việt Nam phải rà soát, điều chỉnh và bổ sung hệ thống văn bản pháp luật có liên quan đến thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, quản trị không gian số,... cũng như các quy định về định danh điện tử và giao dịch điện tử. Đây là cơ hội để đồng bộ hóa thể chế trong nước với các chuẩn mực quốc tế tiên tiến, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, dự đoán được và thân thiện với đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, việc tiếp thu thông lệ tốt từ các quốc gia thành viên Hiệp định Đối tác kinh tế số giúp Việt Nam hình thành cơ chế, chính sách linh hoạt, thích ứng nhanh với sự phát triển công nghệ, hạn chế khoảng trống pháp lý, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, qua đó tăng cường năng lực quản trị số quốc gia và bảo đảm quyền lợi của doanh nghiệp, người tiêu dùng trong môi trường số.

*Thứ ba, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia*

Khi tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế số, Việt Nam có điều kiện thúc đẩy ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất, quản lý và cung ứng dịch vụ, từ đó cải thiện năng suất lao động và chất lượng sản phẩm. Sự hài hòa về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình bảo mật và quản lý dữ liệu giữa Việt Nam và các quốc gia thành viên giúp giảm rào cản kỹ thuật đối với hàng hóa, dịch vụ số, mở rộng cơ hội hợp tác và thu hút đầu tư nước ngoài. Đồng thời, Hiệp định Đối tác kinh tế số khuyến khích phát triển hạ tầng số đồng bộ, đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo - những yếu tố cốt lõi để nâng cao vị thế cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trên trường quốc tế.

### **3. Vai trò của Chính phủ Việt Nam trong tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế số**

Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế số không phải là một sách lược tình thế, mà là kết quả của chuỗi hành động chiến lược, có định hướng rõ ràng và được triển khai đồng bộ từ Trung ương đến các bộ, ngành. Vai trò chủ đạo của Chính phủ thể hiện ở *bốn nhóm hành động chính sau*:

*Thứ nhất, thể chế hóa chủ trương của Đảng thành chiến lược quốc gia và kế hoạch hành động*

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW và Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chính phủ đã khẩn trương ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành và chương trình hành động cụ thể, trong đó có Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030 theo Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Chiến lược này xác định rõ các trụ cột ưu tiên, trong đó “lấy cải cách và hoàn thiện thể chế kinh tế và bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm tiền đề; thúc đẩy nghiên cứu phát triển và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong doanh nghiệp và quản lý nhà nước, xây dựng Chính phủ số là đột phá”<sup>(5)</sup> nhằm thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng trong lĩnh vực kinh tế số. Điều này không chỉ thể hiện sự thống nhất giữa định hướng chính trị của Đảng và hoạt động điều hành của Chính phủ, mà còn tạo cơ sở pháp lý vững chắc và lộ trình cụ thể để hiện thực hóa mục tiêu gia nhập các hiệp định kinh tế số thế hệ mới như Hiệp định Đối tác kinh tế số. Thông qua các văn bản chiến lược, Chính phủ đã cụ thể hóa các mục tiêu tổng quát thành chỉ tiêu định lượng, các giải pháp chủ yếu và mốc thời gian thực hiện, bảo đảm sự phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ, ngành và địa phương. Cách tiếp cận này không chỉ giúp tối ưu hóa nguồn lực và tránh trùng lặp nhiệm vụ, mà còn tạo động lực hành động thống nhất từ Trung ương tới cơ sở, giúp tiến trình chuẩn bị gia nhập Hiệp định Đối tác kinh tế số diễn ra nhanh chóng, đồng bộ và hiệu quả.

*Thứ hai, xây dựng bộ máy điều phối và cơ chế phối hợp liên ngành*

Nhận thức rõ tính chất liên ngành, liên lĩnh vực của kinh tế số và các cam kết trong Hiệp định Đối tác kinh tế số, Chính phủ đã thiết lập bộ máy điều phối với đầu mối rõ ràng và cơ chế phối hợp chặt chẽ. Cụ thể, Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì đàm phán, chịu trách nhiệm điều phối tổng thể tiến trình gia nhập, từ xây dựng kế hoạch, tổ chức các vòng đàm phán kỹ thuật, đến phối hợp soạn thảo các đề xuất và báo cáo kết quả. Cùng với đó, các bộ, ngành khác, như Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính,... được phân công nhiệm vụ chuyên biệt, bảo đảm mỗi khâu công việc đều có cơ quan chịu trách nhiệm và thời hạn hoàn thành. Cơ chế phối hợp liên ngành này giúp giảm thiểu xung đột pháp lý, tránh chồng chéo nhiệm vụ và bảo đảm tính thống nhất trong thực thi.

*Thứ ba, triển khai hoạt động đàm phán và tham vấn một cách chủ động, linh hoạt*

Từ khi chính thức xin gia nhập Hiệp định Đối tác kinh tế số tháng 6/2022, Chính phủ đã chủ động triển khai nhiều vòng đàm phán kỹ thuật cấp cao, trao đổi trực tiếp với các quốc gia thành viên để làm rõ các cam kết, tìm kiếm sự đồng thuận và tối ưu hóa lợi ích cho Việt Nam. Quá trình này được thực hiện theo nguyên tắc “song song và đồng bộ” - vừa đàm phán quốc tế, vừa rà soát chính sách trong nước, đồng thời tham vấn rộng rãi ý kiến từ cộng đồng doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, các tổ chức nghiên cứu và chuyên gia độc lập<sup>(6)</sup>.

*Thứ tư, đồng hành cùng doanh nghiệp và thúc đẩy năng lực hội nhập số*

Chính phủ không chỉ dừng lại ở vai trò “đàm phán - ký kết”, mà còn chủ động đồng hành cùng cộng đồng doanh nghiệp để nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tận dụng cơ hội từ Hiệp định Đối tác kinh tế số. Thông qua các diễn đàn hợp tác công nghệ và đổi mới sáng tạo cùng đối tác quốc tế, Chính phủ

đã kết nối doanh nghiệp với thị trường và công nghệ toàn cầu, khuyến khích áp dụng tiêu chuẩn bảo mật, định danh số và phương thức thanh toán số quốc tế. Các sáng kiến thúc đẩy phát triển công nghệ bán dẫn, như AI, Big Data, viễn thám, hay chương trình đào tạo nhân lực công nghệ cao, cho thấy Chính phủ đã đi trước một bước trong việc chuẩn bị nguồn lực cho doanh nghiệp hội nhập số. Ngoài ra, việc khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ chuyển đổi số, tích hợp hệ thống ERP, tham gia sàn thương mại điện tử xuyên biên giới đã tạo ra một “hệ sinh thái hội nhập”, trong đó nhà nước và doanh nghiệp cùng chia sẻ trách nhiệm và lợi ích. Đây là điều kiện cần thiết để Việt Nam không chỉ gia nhập Hiệp định Đối tác kinh tế số một cách suôn sẻ, mà còn khai thác tối đa lợi ích từ hiệp định này trong dài hạn<sup>(7)</sup>.

#### **4. Những thách thức đặt ra khi Việt Nam tham gia các hiệp định đối tác kinh tế số thế hệ mới**

Các hiệp định đối tác kinh tế số thế hệ mới sau Hiệp định Đối tác kinh tế số có xu hướng nâng chuẩn về quản trị dữ liệu, quyền riêng tư xuyên biên giới, an toàn AI, trách nhiệm thuật toán, tương tác định danh số, dịch vụ công số, chuẩn an ninh mạng chuỗi cung ứng, minh bạch nền tảng, chống cạnh tranh không lành mạnh, công nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn, chứng nhận. Điều này đòi hỏi Việt Nam chuyển từ tư duy “đáp ứng tối thiểu” sang “đồng kiến tạo chuẩn mực”, chủ động tham gia xây dựng quy tắc để phù hợp lợi ích dài hạn.

*Một là, về tương thích thể chế và bảo toàn không gian chính sách:* Các hiệp định số thường có mức ràng buộc pháp lý cao về dòng chảy dữ liệu, thương mại điện tử, bảo vệ người tiêu dùng số, chống phân biệt đối xử,... Khi các cam kết được thiết kế theo chuẩn cao, khoảng “không gian chính sách” của quốc gia trong việc bảo đảm an ninh, an toàn và bảo hộ dữ liệu trọng yếu hoặc định hướng phát triển công nghiệp có thể bị thu hẹp. Do đó, thách

thức đặt ra là làm thế nào vừa tiệm cận chuẩn mực quốc tế, vừa duy trì dư địa điều tiết đối với dữ liệu công, hạ tầng số trọng yếu và các lĩnh vực an ninh - quốc phòng.

*Hai là, về cân bằng giữa tự do dữ liệu xuyên biên giới và chủ quyền số:* Nguyên tắc “dòng chảy dữ liệu tự do có tin cậy” (DFFT) là trọng tâm của hầu hết các hiệp định số. Để đáp ứng yêu cầu này, Việt Nam phải xây dựng cơ chế phân loại dữ liệu (công, cá nhân, nhạy cảm, trọng yếu), quy định rõ điều kiện chuyển dữ liệu ra nước ngoài và quy trình đánh giá rủi ro phù hợp với cam kết quốc tế. Nếu thiết kế thiếu hài hòa hoặc lệch chuẩn so với đối tác, doanh nghiệp sẽ phải chịu chi phí tuân thủ cao; ngược lại, nếu quản lý quá lỏng, rủi ro rò rỉ dữ liệu, xâm phạm quyền riêng tư và đe dọa an ninh mạng gia tăng.

*Ba là, bảo đảm sự hài hòa giữa chuẩn kỹ thuật và khả năng tương tác (interoperability):* Các điều khoản về định danh số, chữ ký số, chứng thực điện tử, chuẩn trao đổi dữ liệu, truy xuất nguồn gốc,... đòi hỏi mức độ tương thích kỹ thuật cao giữa các hệ thống. Thách thức đặt ra là chuyển từ việc áp dụng “chuẩn nội bộ” sang “chuẩn liên vận quốc tế”, bao gồm cả cơ chế công nhận lẫn nhau. Để thực hiện, Việt Nam cần đầu tư hạ tầng lớn, xây dựng lộ trình chuyển đổi rõ ràng và thiết lập cơ chế thử nghiệm, chứng nhận độc lập để bảo đảm tính liên tục và an toàn của dịch vụ.

*Bốn là, về năng lực quản lý, điều hành của cơ quan nhà nước:* Thực thi hiệp định số không chỉ là sửa đổi pháp luật cho phù hợp, mà còn đòi hỏi vận hành các thiết chế mới như cơ quan điều phối dữ liệu, đầu mối chứng nhận tin cậy, cơ chế khiếu nại, giải quyết tranh chấp số, kiểm định an toàn thuật toán và AI,... Tuy nhiên, nếu thiếu nhân lực chuyên môn liên ngành (pháp lý - công nghệ - kinh tế), thiếu công cụ giám sát theo thời gian thực và cơ sở dữ liệu dùng chung, hiệu quả thực thi sẽ giảm; đồng thời, nguy cơ phát sinh “điểm nghẽn” hành chính sẽ gia tăng.

*Năm là, về năng lực tài chính, kỹ thuật của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ:* Doanh nghiệp phải đáp ứng đồng thời nhiều tiêu chuẩn (bảo vệ dữ liệu, an ninh thông tin, lưu vết giao dịch, minh bạch thuật toán trong một số lĩnh vực,...), làm tăng chi phí đầu tư, kiểm toán và bảo hiểm rủi ro mạng. Với đa số doanh nghiệp vừa và nhỏ, hạn chế về tài chính và năng lực pháp lý - kỹ thuật trở thành rào cản lớn. Nếu không có cơ chế “giảm ma sát tuân thủ”, như mẫu chuẩn, công cụ cloud tuân thủ-by-design, sandbox, doanh nghiệp Việt Nam dễ bị loại khỏi sân chơi số.

*Sáu là, về an toàn, an ninh mạng và bảo vệ hạ tầng số trọng yếu:* Mở rộng kết nối xuyên biên giới đồng nghĩa với việc bề mặt tấn công mạng ngày càng lớn. Các hiệp định số thường không áp đặt bắt buộc nội địa hóa dữ liệu một cách tràn lan và hạn chế yêu cầu chuyển giao mã nguồn, tham số thuật toán. Điều này tích cực cho thương mại nhưng tạo thách thức an ninh: làm thế nào kiểm định độ tin cậy mà không vi phạm cam kết, đồng thời bảo vệ hệ thống thanh toán, năng lượng, y tế, viễn thông trước tấn công chuỗi cung ứng và zero-day.

*Bảy là, về quản trị AI và minh bạch thuật toán trong môi trường đa chuẩn:* Xu hướng các hiệp định thế hệ mới tích hợp chuẩn AI an toàn (đánh giá rủi ro, kiểm thử trước khi triển khai, truy xuất dữ liệu huấn luyện, gắn nhãn nội dung sinh tổng hợp,...). Việt Nam cần cập nhật khung quản trị AI trong nước và bảo đảm khả năng tương thích với chuẩn quốc tế. Thách thức lớn là cân bằng giữa yêu cầu minh bạch, giải trình và việc bảo vệ bí mật kinh doanh, nhất là với doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ.

*Tám là, về sở hữu trí tuệ trong môi trường dữ liệu và học máy:* Việc khai thác dữ liệu để huấn luyện mô hình, áp dụng ngoại lệ “text and data mining”, xác lập quyền đối với tập dữ liệu và biện pháp bảo vệ tác phẩm số là những vùng xám pháp lý. Các hiệp định sau

Hiệp định Đối tác kinh tế số có xu hướng nâng chuẩn bảo hộ và cơ chế thực thi xuyên biên giới. Trong bối cảnh đó, doanh nghiệp Việt Nam có thể đối mặt rủi ro vi phạm ngoài ý muốn nếu không có hướng dẫn rõ ràng, nhưng nếu cơ chế quá chặt có thể kìm hãm sự đổi mới.

*Chín là, về điều phối thuế trong nền kinh tế số và chống xói mòn cơ sở thuế:* Dịch vụ số xuyên biên giới và các mô hình kinh doanh dựa trên nền tảng tạo ra nhiều thách thức trong việc xác định nghĩa vụ thuế, nơi phát sinh giá trị và chống chuyển giá. Trong bối cảnh các chuẩn mực thuế quốc tế đang vận động, việc nội luật hóa không đồng bộ hoặc mâu thuẫn với cam kết thương mại số sẽ làm gia tăng tranh chấp và rủi ro chi phí tuân thủ.

*Mười là, về giải quyết quan hệ giữa mở cửa thị trường dịch vụ số và phát triển hệ sinh thái số nội địa:* Cam kết mở cửa, không phân biệt đối xử, đối xử quốc gia,... giúp tăng cạnh tranh và chất lượng dịch vụ, nhưng cũng gây sức ép lên doanh nghiệp nội địa (cloud, fintech, logistics số, quảng cáo số). Nếu không có chiến lược phát triển năng lực lõi (center-of-excellence, hạ tầng dữ liệu dùng chung, tiêu chuẩn mở), nguy cơ phụ thuộc nền tảng ngoại và “chảy máu dữ liệu” sẽ gia tăng.

### **5. Giải pháp phát huy vai trò của Chính phủ để Việt Nam tham gia có hiệu quả các hiệp định kinh tế số thế hệ mới**

Để vượt qua các thách thức và tận dụng cơ hội từ Hiệp định Đối tác kinh tế số cũng như các hiệp định đối tác kinh tế số thế hệ mới, Chính phủ cần phát huy tối đa vai trò điều phối, kiến tạo và hỗ trợ thông qua các giải pháp sau:

*Thứ nhất, hoàn thiện thể chế về kinh tế số*

Đây là giải pháp nền tảng, giữ vai trò định hướng toàn bộ tiến trình hội nhập, bảo đảm vừa phù hợp chuẩn mực quốc tế, vừa duy trì “không gian chính sách” để bảo vệ an ninh, chủ quyền số và phát triển công

ngiệp. Chính phủ cần đẩy nhanh rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy định về dữ liệu, thương mại điện tử, định danh số, bảo vệ quyền riêng tư, quản trị AI, an ninh mạng, thuế số, sở hữu trí tuệ trong môi trường số. Trọng tâm là xây dựng khung pháp lý đồng bộ, minh bạch và linh hoạt; ban hành quy định chuyên biệt về quản trị dữ liệu, cập nhật pháp luật thương mại điện tử, hoàn thiện khung quản trị AI và công nghệ mới nổi, xây dựng cơ chế thuế dịch vụ số xuyên biên giới; tăng cường tham vấn đa chiều với cộng đồng doanh nghiệp, giới học thuật và chuyên gia quốc tế.

*Thứ hai, xây dựng hạ tầng số quốc gia đồng bộ và an toàn*

Hạ tầng số đồng bộ, hiện đại và bảo mật cao không chỉ hỗ trợ hoạt động kinh tế số trong nước, mà còn giúp Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ thuật, khả năng liên thông và an ninh mạng theo tiêu chuẩn quốc tế. Chính phủ cần ưu tiên phát triển mạng 5G, trung tâm dữ liệu quốc gia, hệ thống định danh, xác thực điện tử liên thông; xây dựng nền tảng dữ liệu mở, cơ sở dữ liệu dùng chung cho các ngành, lĩnh vực. Đồng thời, củng cố năng lực bảo vệ hạ tầng số trọng yếu, áp dụng tiêu chuẩn an ninh mạng chuỗi cung ứng, tăng cường giám sát và ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

*Thứ ba, nâng cao năng lực điều hành và thực thi của cơ quan quản lý nhà nước*

Năng lực điều hành mạnh giúp Chính phủ không chỉ giám sát tuân thủ, mà còn xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh và thích ứng nhanh với chuẩn mực quốc tế mới. Kiến toàn bộ máy quản lý, thành lập cơ quan điều phối dữ liệu quốc gia và trung tâm giám sát - điều hành an ninh mạng; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương.

*Thứ tư, hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hội nhập số hiệu quả*

Chính phủ cần triển khai các chương trình hỗ trợ “giảm ma sát tuân thủ” như

cung cấp mẫu hợp đồng điện tử chuẩn, giải pháp tuân thủ-by-design, môi trường thử nghiệm chính sách (sandbox) cho dịch vụ số mới. Đồng thời, hỗ trợ tài chính ưu đãi, tư vấn pháp lý và kỹ thuật, đào tạo nhân lực số, cũng như tạo điều kiện kết nối thị trường quốc tế thông qua các hội chợ, diễn đàn thương mại điện tử xuyên biên giới.

*Thứ năm, tăng cường năng lực bảo vệ an ninh mạng và chủ quyền số*

An ninh mạng vững chắc và bảo vệ chủ quyền số hiệu quả sẽ tạo niềm tin cho doanh nghiệp, người dân và đối tác quốc tế khi tham gia môi trường số của Việt Nam. Chính phủ cần xây dựng và áp dụng bộ tiêu chuẩn bảo mật quốc gia phù hợp với chuẩn quốc tế; thiết lập cơ chế kiểm định, chứng nhận tin cậy đối với sản phẩm và dịch vụ số nhập khẩu; tăng cường năng lực ứng cứu sự cố, phòng, chống tấn công mạng quy mô lớn.

*Thứ sáu, chủ động tham gia thiết lập chuẩn mực quốc tế*

Tham gia thiết lập chuẩn mực giúp Việt Nam bảo đảm các quy tắc quốc tế vừa thúc đẩy thương mại và đổi mới sáng tạo, vừa phù hợp điều kiện phát triển và lợi ích chiến lược của đất nước. Chính phủ cần chủ động tham gia sâu vào các diễn đàn, tổ chức quốc tế về kinh tế số, dữ liệu, AI và an ninh mạng; cử chuyên gia tham gia nhóm soạn thảo quy định, đề xuất sáng kiến và đóng góp giải pháp kỹ thuật.

## **6. Kết luận**

Việc chủ động, tích cực tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế số và sẵn sàng cho các hiệp định đối tác kinh tế số thế hệ mới là bước đi chiến lược, thể hiện tầm nhìn dài hạn và năng lực thích ứng của Việt Nam trong kỷ nguyên số. Với định hướng nhất quán của Đảng, vai trò điều phối và kiến tạo

của Chính phủ, cùng sự chuẩn bị của cộng đồng doanh nghiệp, tiến trình hội nhập kinh tế số của Việt Nam đang được triển khai bài bản, gắn kết giữa hoàn thiện thể chế, phát triển hạ tầng, nâng cao năng lực quản trị, hỗ trợ doanh nghiệp và bảo vệ chủ quyền số. Trong bối cảnh kinh tế số toàn cầu tiếp tục mở rộng và cạnh tranh ngày càng khốc liệt, Việt Nam cần duy trì nhịp cải cách, củng cố năng lực điều hành, mở rộng hợp tác quốc tế và đầu tư cho đổi mới sáng tạo. Đây sẽ là nền tảng để Việt Nam không chỉ tham gia hiệu quả, mà còn định vị mình như một quốc gia số năng động, sáng tạo, có tiếng nói và ảnh hưởng trong việc định hình tương lai của kinh tế số toàn cầu □

(1) Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”

(2) Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”

(3) Bộ Công thương, *Hiệp định Đối tác Kinh tế số (DEPA) có hiệu lực tại Chile và các thành viên bắt đầu làm việc để đánh giá việc gia nhập Hiệp định của Trung Quốc*, <https://moit.gov.vn>, ngày 30/11/2021

(4) Khánh Linh, *Chiếm gần 98% tổng số doanh nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa đang ở đâu trong nền kinh tế*, <https://baodautu.vn>, ngày 27/02/2025

(5) Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030”

(6) *Thực thi Hiệp định DEFA: Từ đàm phán đến hành động*, <https://moit.gov.vn>, ngày 11/8/2025

(7) TS Đinh Thế Thuần, Đỗ Phúc Anh, *Việt Nam tích cực, chủ động tham gia Hiệp định Đối tác kinh tế số*, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, ngày 12/8/2025